

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN
TRƯỜNG MẦM NON HẢI SƠN

Biểu mẫu 6.3

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ –MNHS, ngày 25/9/2023 của Trường Mầm non Hải Sơn)

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)	1.215.000.000	1.215.000.000	100%	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
1.2	Mức thu học phí	300.000	300.000		
1.3	Tổng số thu trong năm	1.215.000.000	1.215.000.000		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.215.000.000	1.215.000.000		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽²⁾	1.215.000.000	1.215.000.000		
1.6	Số chi trong năm	1.215.000.000	1.215.000.000		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	425.250.000	425.250.000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	607.500.000	607.500.000		
	- Chi khác	0	0		
1.7	Số dư cuối năm	0	0		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GD Tiểu học, THCS)	300.000	300.000		
2	Dạy thêm - học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1	Trông trẻ ngày thứ 7			100%	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
2.1.2	Mức thu	200.000	200.000		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	369.000.000	369.000.000		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	369.000.000	369.000.000		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	369.000.000	369.000.000		

² Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1.6	Số chi trong năm	369.000.000	369.000.000		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	275.940.000	275.940.000		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, quỹ phúc lợi	19.260.000	19.260.000		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	66.420.000	66.420.000		
	- Chi khác, thuế TNDN	7.380.000	7.380.000		
2.1.7	Số dư cuối năm	0	0		
3	Tiền ăn			100%	
3.1					
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
3.1.2	Tổng số thu trong năm	2.187.000.000	2.187.000.000		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.187.000.000	2.187.000.000		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾				
3.1.5	Số chi trong năm	2.187.000.000	2.187.000.000		
	Trong đó: - Tiền ăn	2.025.000.000	2.025.000.000		
	- Chết đột	162.000.000	162.000.000		
3.1.6	Số dư cuối năm	0	0		
4	Đồ dùng trang thiết bị phục vụ bán trú			100%	
4.1.					
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
4.1.2	Mức thu (HS cũ: 200.000đ/HS/năm; HS mới: 360.000đ/HS/năm)				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	100.360.000	100.360.000		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	100.360.000	100.360.000		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	100.360.000	100.360.000		
4.1.6	Số chi trong năm	100.360.000	100.360.000		
	Trong đó: - Chi mua mới và bổ sung đồ dùng trang thiết bị phục vụ BT	100.360.000	100.360.000		
4.1.7	Số dư cuối năm	0	0		
5	Liên kết giáo dục: Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài, (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây				
5.1					

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾				
5.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....				
	- Chi công tác phụ trách lớp học của giáo viên				
5.1.7	Số dư cuối năm	0	0		
6	Chăm sóc bán trú			100%	
6.1					
6.1.1	Số học sinh	450	450		
6.1.2	Mức thu	150.000	150.000		
6.1.3	Tổng thu	607.500.000	607.500.000		
6.1.4	Đã chi	606.060.600	606.060.600		
6.1.5	Dư	1.439.400	1.439.400		
7	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính			100%	
7.1					
7.1.1	Số học sinh	450	450		
7.1.2	Mức thu	300.000	300.000		
7.1.3	Tổng thu	1.215.000.000	1.215.000.000		
7.1.4	Đã chi	1.215.000.000	1.215.000.000		
7.1.5	Dư	0	0		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5.884.000.000	5.884.000.000	100%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.884.000.000	5.884.000.000		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.634.000.000	5.634.000.000		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				